

Số: 06 /2024/QĐST-DS

K, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21/5/2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 41/2023/TLST-DS ngày 29/11/2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1956; địa chỉ: tổ 11, khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn K: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (văn bản ủy quyền ngày 13/10/2022).

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Y: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (văn bản ủy quyền ngày 13/10/2022).

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 10, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (văn bản ủy quyền ngày 13/10/2022).

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hàng thừa kế thứ nhất được chia di sản:

Các đương sự thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn P chỉ có 8 người được chia thừa kế là các ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S.

2.2 Về di sản thừa kế:

Trong khối tài sản là Quyền sử dụng đất thừa đất số 26, tờ bản đồ số 15 lập năm 2015 (là thửa số 5, tờ bản đồ PL4 lập năm 1997 cũ) có tổng diện tích là 1961m² gồm: Đất ở 360m², đất ao 565m², đất vườn 1005m² và cây cối, vật kiến trúc, diện tích đất này chưa được cấp GCNQSDĐ cùng với quyền sử dụng đất thừa số 26, tờ bản đồ số 08 lập năm 1997 có diện tích 615m² đất trồng cây, đã được cấp GCNQSDĐ số L922308 mang tên Nguyễn Văn P.

Trong khối tài sản này thì tài sản thừa kế của cụ P để lại tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15 lập năm 2015 có diện tích là 1739,9 m² đất và tài sản trên đất. Phần còn lại của thửa số 26, tờ bản đồ số 15 lập năm 2015 có diện tích 168 m² đất thủy sản và quyền sử dụng đất 615m² đất trồng cây tại thửa 26 tờ bản đồ số 08 lập năm 1997 là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn S.

2.3 Về phương thức phân chia di sản của cụ Nguyễn Văn P:

- Di sản cụ Nguyễn Văn P để lại là quyền sử dụng diện tích đất 1739,9 m² đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính xã K, huyện K lập năm 2015, địa chỉ thửa đất xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình và cây cối, vật kiến trúc có trị giá 867.557.00^d, được chia thành 8 kỹ phần; các ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S mỗi người được nhận một kỹ phần trị giá 108.469.625^d.

- Giao tài sản là quyền sử dụng đất cho ông S, ông L1 và bà Y; cây cối, vật kiến

trúc có trên đất chia cho ai người đó sử dụng, không phải trả chênh lệch giá trị tài sản trên đất cho nhau và cho những người thừa kế khác.

- Ông L1 nhận ký phần bằng hiện vật của mình và ông L, ông K, bà T, bà T1 có trách nhiệm thanh toán ký phần thừa kế bằng tiền cho ông L, ông K, bà T và bà T1 mỗi người 105.469.625^d.

- Bà Y nhận ký phần bằng hiện vật phải thanh toán chênh lệch ký phần thừa kế bằng tiền cho ông L1, ông L, ông K, bà T và bà T1 mỗi người 3.000.000^d.

2.4 Về phân chia di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

- Giao cho ông S được quyền sử dụng diện tích đất 621m²; trong đó đất ở 90m², đất trồng cây lâu năm 128,9m² và đất nuôi trồng thủy sản 402,1m² (trong đó có 168 m² sử dụng riêng trị giá 216.939.250 đồng (*hai trăm mười sáu triệu chín trăm ba chín nghìn hai trăm năm mươi đồng*)).

Vị trí đất có hình chữ L, kích thước các chiều, cạnh như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 39 đất của ông M dài 51,46m; phía Tây giáp thửa đất chia cho ông L1 dài 46,85m; phía Nam giáp thửa đất từ 27 đến 32 dài 38,64m (có một phần giáp đất giao cho ông L1 và bà Y dài 28,97m) ; phía Bắc giáp lưu không bảo vệ hành lang đê Bình M I dài 9,65m (cách mép đường bê tông mặt đê phía Nam 8,25m).

- Giao cho ông L1 được quyền sử dụng diện tích đất 1.109,7m²; trong đó đất ở 210m², đất trồng cây lâu năm 318m² và đất nuôi trồng thủy sản 581,7m²; trị giá 512.610.000 đồng (*năm trăm mười hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng*).

Vị trí, kích thước các chiều, cạnh như sau: phía Đông giáp thửa đất chia cho ông S dài 46,85m; phía Tây giáp thửa đất chia cho bà Y dài 46,23m; phía Nam giáp đất sử dụng riêng của ông S dài 23,94m; phía Bắc giáp lưu không bảo vệ hành lang đê Bình M I dài 23,8m (cách mép đường bê tông mặt đê phía Nam 8,25m).

- Giao cho bà Y được quyền sử dụng diện tích đất 231,2m²; trong đó đất ở 60m², đất trồng cây lâu năm 66,6 m² và đất nuôi trồng thủy sản 104,6m²) trị giá 132.690.000 đồng (*một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Vị trí, kích thước các chiều, cạnh như sau: phía Đông giáp thửa đất chia cho ông L1 dài 46,23m; phía Tây giáp thửa đất số 25 dài 46,09m; phía Nam giáp đất sử dụng riêng của ông S dài 5,03m; phía Bắc giáp lưu không bảo vệ hành lang đê Bình M I dài 5m (cách mép đường bê tông mặt đê phía Nam 8,25m).

- Ông L1 có trách nhiệm thanh toán ký phần thừa kế bằng tiền cho ông L, ông K, bà T và bà T1 mỗi người 103.000.000 đồng.

- Bà Y phải thanh toán chênh lệch ký phần thừa kế bằng tiền cho ông L1, ông L, ông K, bà T và bà T1 mỗi người 3.000.000^d.

Các bên có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phần đã phân chia.

(*Có sơ đồ phân chia cụ thể phần đất cho các bên kèm theo biên bản này*)

2.5 Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L đã tự nguyện chịu toàn bộ các khoản

chi phí thẩm định giá, ông đã thanh toán với công ty thẩm định giá, không yêu cầu các đương sự khác phải thanh toán.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T1 đều là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí, được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị T không thuộc diện được miễn án phí, mỗi người phải nộp 2.712.000^d, đã làm tròn (*Hai triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng*) theo tỷ phần được hưởng của mình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thế Anh